TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hiệu;

Ông Vi Văn Thanh

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2023/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hoàng Thị H, sinh năm 1996; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bạch Ánh T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Lành Văn T, sinh năm 1992; cư trú tại: B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/7/2023, các lời khai sau đó nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lành Văn T chung sống cùng nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/10/2014. Trước khi kết hôn chị và anh T được tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không cùng quan điểm dẫn đến vợ chồng cãi nhau, sống không hạnh phúc. Chị và anh T đã được hai bên gia đình hàn gắn động viên và cố gắng tìm tiếng nói chung nhưng không được và đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay không quan tâm đến nhau, không liên lạc với nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T, đồng thời chị xin giải quyết, xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015; cháu Lành Thị Bảo N, sinh ngày 14/02/2017 và cháu Lành Thị T, sinh ngày 08/4/2021, sau khi ly hôn chị yêu cầu anh T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, chị chưa cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị chưa có việc làm. Trường hợp anh T đề nghị chị cấp dưỡng nuôi con chung thì chị đề nghị mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung gì, không vay nợ ai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Hoàng Thị H và anh Lành Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Lành Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T yêu cầu chị Hoàng Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, chị Hoàng Thị H đề nghị cấp dưỡng theo quy định pháp luật; căn cứ vào mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay là 1.800.000 đồng/tháng, chị Hoàng Thị H chưa có việc làm ổn định do vậy đề nghị chị Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 800.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm và miễn án phí cấp dưỡng cho chị Hoàng Thị H do chị Hoàng Thị H là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2023 và biên bản lấy lời khai anh Lành Văn T không nhất trí ly hôn, con chung có 03 con đúng như chị Hoàng Thị H đã trình bày, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 01 con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015, đề nghị chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là cháu Lành Thị Bảo N, sinh

ngày 14/02/2017 và cháu Lành Thị T, sinh ngày 08/4/2021, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Vợ chồng không có tài sản chung gì và không vay nợ ai. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2023 anh Lành Văn T thay đổi ý kiến, về quan hệ hôn nhân anh xác nhận vợ chồng đã ly thân từ ngày 03/3/2022 cho đến nay, chị H yêu cầu ly hôn anh cũng nhất trí, về con chung anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015; cháu Lành Thị Bảo N, sinh ngày 14/02/2017 và cháu Lành Thị T, sinh ngày 08/4/2021 đến khi trưởng T, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con và anh Lành Văn T xin được giải quyết vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày cùng ý kiến với bị đơn: Chị Hoàng Thị H xin ly hôn, anh Lành Văn T nhất trí; về con chung: Anh Lành Văn T nhất trí nuôi cả 03 con chung, đề nghị chị Hoàng Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2023 cháu Lành Thị Bảo U trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố cháu vì bố quan tâm và chăm sóc cháu nhiều hơn.

Tại biên bản làm việc ngày 27/7/2023 với bà Lộc Thị A là mẹ anh Lành Văn T cho biết: Bà thấy vợ chồng H và T tình cảm vợ chồng bình thường, không cãi chửi nhau, không đánh đập nhau lần nào. Tuy nhiên chị H tự bỏ nhà đi từ mồng 3/3/2022 dương lịch cho đến nay, đi đâu bà không biết, không nói gì, gia đình có liên lạc gọi điện thì không được. Từ khi chị H bỏ đi thì chị H chưa về nhà lần nào, không phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị Hiền vừa về nhà bố mẹ đẻ chị H được hơn 01 tháng ở N, T. Chị H không về thăm nhà và thăm con lần nào, bà có được sang bảo chị H 01 lần là về nhà để đoàn tụ vợ chồng cùng nuôi dạy con cái với anh T nhưng chị H không nhất trí về. Chị H và anh T có 03 con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015; Lành Thị Bảo N, sinh ngày 14/02/2017; Lành Thị T, sinh ngày 08/4/2021, đang ở cùng vợ chồng bà và anh T, từ khi chị H bỏ đi thì gia đình vẫn chăm sóc các cháu đầy đủ, chị H không gửi tiền về hỗ trợ nuôi con, chỉ mua đồ ăn vặt và ít quần áo gửi về cho con. Anh T chỉ làm ruộng, không có thu nhập gì, thỉnh thoảng đi cạo nhựa thông thu nhập không ổn định.

Biên bản xác minh ngày 14/8/2023 với trưởng thôn B cho biết: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T thì thôn không thấy có vấn đề gì, không yêu cầu chính quyền thôn giải quyết. Khoảng đầu năm 2022 thì chị H không có mặt ở thôn cũng không thấy sống ở nhà anh T, chị H đi đâu ông không nắm được, tết cũng không thấy chị H về. Cả 03 con chung đều đang sống cùng anh T và bố mẹ anh T, được chăm sóc đảm bảo và đầy đủ. Tại thôn trung bình nhu cầu nuôi dưỡng sinh hoạt và đi học đối với 01 cháu là 2.000.000 đồng/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ,

trình tự thụ lý và thông báo thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93, Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định từ Điều 239 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử nhưng vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị H và anh Lành Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân. Chị Hoàng Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lành Văn T, tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2023 anh Lành Văn T chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H, do chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án không thể tiến hành ra quyết định thuận tình ly hôn và tiến hành xét xử là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Lành Văn T. Về con chung: Anh Lành Văn T đồng ý nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015; cháu Lành Thị Bảo N, sinh ngày 14/02/2017 và cháu Lành Thị T, sinh ngày 08/4/2021; căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T yêu cầu chị Hoàng Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, chị Hoàng Thị H đề nghị cấp dưỡng theo quy định pháp luật; căn cứ vào mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay là 1.800.000 đồng/tháng và theo biên bản xác minh với trưởng thôn các cháu đang sinh sống thì trung bình nhu cầu nuôi dưỡng sinh hoạt và đi học đối với 01 cháu là 2.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn và bị đơn đều không có việc làm và thu nhập ổn định nhưng để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của các cháu, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bị đơn, buộc chị Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Hoàng Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và miễn án phí cấp dưỡng do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Lành Văn T đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị H và anh Lành Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lành Văn T, cư trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Lành Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Gia, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận số 14/2014, ngày 15/10/2014, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị Hoàng Thị H xin ly hôn anh Lành Văn T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị H và anh Lành Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Lành Văn T có 03 con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015; cháu Lành Thị Bảo N, sinh ngày 14/02/2017 và cháu Lành Thị T, sinh ngày 08/4/2021. Hiện nay con chung đều đang sống với anh Lành Văn T. Anh Lành Văn T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Hoàng Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng/con. Chị Hoàng Thị H cũng đề nghị anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung và chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Xét thấy con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015 (đủ 07 tuổi) có nguyện vọng sống với anh Lành Văn T, anh Lành Văn T cũng nhất trí được trực tiếp nuôi cả 03 con chung, các con chung do anh Lành Văn T và gia đình anh Lành Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện từ khi chị Hoàng Thị H bỏ đi. Do vậy Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho anh Lành Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay là

1.800.000 đồng/tháng và theo biên bản xác minh với trưởng thôn các cháu đang sinh sống thì trung bình nhu cầu nuôi dưỡng sinh hoạt và đi học đối với 01 cháu là 2.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn và bị đơn đều không có việc làm và thu nhập ổn định nhưng để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của các cháu, do vậy chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bị đơn, buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng T đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị H và anh Lành Văn Lành xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

[6] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn phần nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Hoàng Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sống tại xã Tam Gia, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí. Do vậy miễn án phí cho chị Hoàng Thị H theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Lành Văn T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014 đăng ký ngày 15/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung là cháu Lành Thị Bảo U, sinh ngày 28/5/2015; cháu Lành Thị Bảo N, sinh ngày 14/02/2017 và cháu Lành Thị T, sinh ngày 08/4/2021 cho anh Lành Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời điểm thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày 28/8/2023. Chị Hoàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Hoàng Thị H thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được Thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lại suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai